



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Số: 70/CECO-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

TRƯƠNG
THỊ MINH
THU

Digitally signed
by TRƯƠNG THỊ
MINH THU
Date: 2021.03.31
13:20:54 +07'00'

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất

- Mã chứng khoán: CEC

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 21A phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: 024.3845.5777

- Fax: 024.3823.2325

- Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Minh Thu - Kiểm soát viên.

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất đã kiểm toán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/3/2020 (đường dẫn: [www.ceco.com.vn/Quan hệ cổ đông/Thông tin tài chính](http://www.ceco.com.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/Thông_tin_tài_chính)).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính
hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trương Thị Minh Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 30 tháng 07 năm 2020.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CHEMICAL INDUSTRY ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: CECO.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 17 ngày 30/07/2020, vốn điều lệ của Công ty là 59.770.360.000.VND (*Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ bảy trăm bảy mươi nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Chủ tịch (Miễn nhiệm Chủ tịch từ ngày 01/07/2020) - Đồng đại diện pháp luật từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Ông Lưu Ngọc Vĩnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm Chủ tịch từ ngày 01/07/2020) - Người đại diện pháp luật duy nhất từ ngày 01/07/2020
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020)
Ông Vũ Minh Ngọc	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 01/07/2020)
Bà Trần Thị Minh Trang	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 01/07/2020)
Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 01/07/2020)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc - Đồng đại diện pháp luật từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Ông Lưu Ngọc Vĩnh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/10/2020)
Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/07/2020)
Ông Lã Thanh Toàn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/07/2020)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu.

Ban điều hành Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành,



Lưu Ngọc Vĩnh
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số: 147/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính riêng năm 2020
của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Ính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang số 06 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán iêngtại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ iêngcho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Net

Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Lê Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		356.591.893.200	418.975.862.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.579.609.022	24.182.938.136
1. Tiền	111		2.232.340.845	1.000.155.858
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.347.268.177	23.182.782.278
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.967.216.994	203.667.294.690
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	50.597.832.968	111.272.763.885
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	12.927.455.567	30.767.975.810
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5.4	41.704.999.303	48.018.576.606
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.647.125.001	3.466.458.334
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	15.904.971.709	11.947.876.609
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.815.167.554)	(1.806.356.554)
IV. Hàng tồn kho	140		210.606.362.728	178.483.209.984
1. Hàng tồn kho	141	5.8	210.606.362.728	178.483.209.984
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.438.704.456	12.642.419.838
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	186.557.903	254.699.894
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.10	15.542.399.394	10.784.283.978
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	1.709.747.159	1.603.435.966
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		22.998.577.424	23.780.147.364
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.232.077.424	2.013.647.364
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	980.371.389	1.597.381.333
- Nguyên giá	222		18.988.514.474	18.988.514.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.008.143.085)	(17.391.133.141)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	251.706.035	416.266.031
- Nguyên giá	228		4.416.750.000	4.416.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.165.043.965)	(4.000.483.969)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	21.766.500.000	21.766.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.068.500.000	17.068.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.060.000.000	3.060.000.000
3. Đầu tư tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		379.590.470.624	442.756.010.012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		295.947.617.264	359.171.559.702
I. Nợ ngắn hạn	310		295.947.617.264	359.171.559.702
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	59.541.689.119	48.188.651.154
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	195.903.952.879	185.387.415.604
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	28.732.188	467.243.296
4. Phải trả người lao động	314		-	1.776.284.912
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	1.139.246.152	23.076.223.986
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	24.763.824.597	1.507.882.995
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	14.570.172.329	98.767.857.755
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		83.642.853.360	83.584.450.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	83.642.853.360	83.584.450.310
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.930.720.095	17.930.720.095
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.941.773.265	5.883.370.215
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		5.883.370.215	5.812.954.456
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		58.403.050	70.415.759
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		379.590.470.624	442.756.010.012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch HĐQT





Nguyễn Tuyết Chinh

Nguyễn Tuyết Chinh

Lưu Ngọc Vĩnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	60.012.379.527	268.358.897.246
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.22	60.012.379.527	268.358.897.246
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	54.433.170.586	248.490.744.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.579.208.941	19.868.152.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	1.551.305.763	2.175.816.399
7. Chi phí tài chính	22	5.25	2.687.454.538	9.439.879.041
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.668.988.750	9.316.956.818
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	4.375.170.875	14.483.220.605
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		67.889.291	(1.879.130.534)
11. Thu nhập khác	31	5.27	579.631.044	2.646.370.037
12. Chi phí khác	32	5.27	596.089.858	578.116.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(16.458.814)	2.068.254.037
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		51.430.477	189.123.503
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	(6.972.573)	118.707.744
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		58.403.050	70.415.759

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021
 Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Tuyết Chinh



Nguyễn Tuyết Chinh



Lưu Ngọc Vĩnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		51.430.477	189.123.503
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		781.569.940	1.202.131.589
- Các khoản dự phòng	03		8.811.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(119.269.186)	52.544.575
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.413.570.789)	(4.048.620.569)
- Chi phí lãi vay	06		2.668.988.750	9.316.956.818
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.977.960.192	6.712.135.916
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		76.069.001.920	67.400.630.300
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(32.123.152.744)	(6.474.519.496)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		21.497.275.042	(110.736.211.039)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		68.141.991	(117.324.117)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.668.988.750)	(9.265.335.393)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(163.760.027)	(485.730.182)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		95.499.447	506.065.344
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(352.264.782)	487.303.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64.399.712.289	(51.972.984.999)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	1.943.181.818
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.197.983.887	2.105.438.751
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.197.983.887	4.048.620.569
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		34.021.717.926	315.565.996.164
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(118.219.403.352)	(310.292.661.513)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(84.197.685.426)	5.273.334.651
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(18.599.989.250)	(42.651.029.779)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		24.182.938.136	66.838.157.467
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.339.864)	(4.189.552)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	5.579.609.022	24.182.938.136

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch HĐQT





Nguyễn Tuyết Chinh

Nguyễn Tuyết Chinh

Lưu Ngọc Vĩnh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 30 tháng 07 năm 2020.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **CHEMICAL INDUSTRY ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY**. Tên viết tắt là: **CECO**.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 17 ngày 30/07/2020, vốn điều lệ của Công ty là 59.770.360.000.VND (*Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ bảy trăm bảy mươi nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm của Công ty là 97 người (năm 2019 là 97 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 17 ngày 30/07/2020 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...)

Trong năm 2020, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu.; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường...

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì kết quả hoạt động năm 2020 của Công ty sụt giảm so với năm 2019.

Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty được hưởng ưu đãi giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2020.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Góp vốn	Hoạt động chính	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	3.060.000.000	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	12.408.500.000	55,33%	55,33%
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học	1.600.000.000	100,00%	100,00%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Xây dựng công trình	3.060.000.000	36,40%	36,40%
Đầu tư khác				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh		1.638.000.000	1,14%	1,14%
Các Chi nhánh trực thuộc				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất				
Địa chỉ: Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP Hồ Chí Minh				

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do bộ tài chính ban hành và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng khi giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013; thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá mua của Phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ văn phòng	03 - 08

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ thông thường không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng Cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là: Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, các đơn vị thành viên của Tập đoàn, các Công ty con, Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là tư vấn thiết kế, giám sát thi công, hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Công ty không phân tách các hoạt động do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	167.316.566	113.834.516
Tiền gửi ngân hàng	2.065.024.279	886.321.342
Các khoản tương đương tiền	3.347.268.177	23.182.782.278
Tổng	5.579.609.022	24.182.938.136

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	50.597.832.968	111.272.763.885
<i>Các bên liên quan</i>		
- Công ty CP DAP số 2	37.674.684.981	37.406.795.821
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
<i>Bên khác</i>		
- CN Công ty CP Phân bón dầu khí Cà Mau - Ban QLDA CN	-	59.153.640.537
- Công ty liên doanh SUCHEL TBV S.A	-	1.923.378.971
- Các khách hàng khác	9.032.585.685	8.898.386.254
Dài hạn	-	-
Tổng	50.597.832.968	111.272.763.885

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	12.927.455.567	30.767.975.810
Công ty Cổ phần Lắp máy & Xây dựng Sài Gòn (*)	5.685.869.182	5.685.869.182
Công ty Cổ phần ECOWISE	-	7.994.456.250
Công ty TNHH vận tải và Dịch vụ VT3	-	7.075.254.225
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Mỏ (**)	2.227.744.187	2.227.744.187
Công ty CP Máy và Thiết bị CN hóa chất VN	1.982.699.532	1.880.533.402
Các nhà cung cấp khác	3.031.142.666	5.904.118.564
Dài hạn	-	-
Tổng	12.927.455.567	30.767.975.810

(*) Công nợ với các nhà thầu phụ để thực hiện Dự án NPK Cà Mau do dự án chưa quyết toán nên các nhà thầu phụ chưa làm hồ sơ nghiệm thu để hoàn khối lượng cho CECO.

5.4 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (a)	585.112.990.952	327.385.938.117
Lợi nhuận ước tính (b) = (c) - (a)	33.002.378.972	246.030.702.924
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (c)	618.115.369.924	573.416.641.041
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng (d)	(576.410.370.621)	(525.398.064.435)
Nợ còn lại (a+b+d)	41.704.999.303	48.018.576.606

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	3.647.125.001	3.466.458.334
<i>Bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam (Lãi suất 8%/năm)	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Bên khác</i>		
Phải thu lãi cho vay	647.125.001	466.458.334
Tổng	3.647.125.001	3.466.458.334

5.6 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	15.904.971.709	-	11.947.876.609	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	457.681.667	-
- Tạm ứng cho nhân viên	14.279.695.939	-	10.235.404.474	-
- Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	28.911.235	-	25.585.653	-
- Phải thu bảo hiểm xã hội	23.067.357	-	11.609.018	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.067.357	-	35.735.053	-
- Dự thu lãi tiền gửi Ngân hàng	66.729.880	-	55.922.454	-
- Tiền lương trả trước NPK Cà Mau	792.412.690	-	-	-
- Phải thu khác	681.087.251	-	1.125.938.290	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	15.904.971.709	-	11.947.876.609	-

5.7 NỢ XẤU

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.815.167.554	-	1.806.356.554	-
<i>Trong đó:</i>				
Thời gian quá hạn				Trên 3 năm
Công ty TNHH Hóa mỹ phẩm Hòa Hợp	-	-	-	1.140.277.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai	-	-	-	200.000.000
Các khách hàng khác	-	-	-	474.890.554

5.8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	210.606.362.728	-	178.483.209.984	-
Tổng	210.606.362.728	-	178.483.209.984	-

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	210.606.362.728	178.483.209.984
- Dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ("Dự án Muối Lào")	156.521.757.785	156.054.741.018
- Dự án EPC NPK Cà Mau	32.506.507.581	-
- Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	12.385.693.555	14.999.038.415
- Dự án khác	9.192.403.807	7.429.430.551
Tổng	210.606.362.728	178.483.209.984

(*) Theo thông báo số VLCS(H)/TTCL(H)-L-4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hoá chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT) – Đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN-ĐTXD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo quy định của Hợp đồng.

Tại ngày phát hành báo cáo: Chủ đầu tư và nhà thầu đã có văn bản chấm dứt hợp đồng; các bên đang giải quyết vấn đề pháp lý khi chấm dứt hợp đồng để tiến tới quyết toán và thanh lý hợp đồng, VILACHEMSALT đã trả trước cho CECO số tiền 181.811.804.911 đồng. Hiện tại, Các Nhà thầu đang kiện VILACHEMSALT tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), Nhà thầu nhóm 2 (gồm CECO-Nga Sơn-INCO) đã có phán quyết trọng tài số 62/18 của VIAC ban hành ngày 29/06/2020, theo phán quyết này CECO sẽ được giảm trừ toàn bộ số tiền nợ đang ứng trước của VILACHEMSALT và được nhận thêm số tiền: 8.474.520.397 đồng (tám tỷ, bốn trăm bảy mươi tư triệu, năm trăm hai mươi ngàn, ba trăm chín mươi bảy đồng chẵn) tương ứng với khối lượng, giá trị công việc mà CECO đã thực hiện trước khi dừng thực hiện hợp đồng. Hiện tại các nhà thầu liên danh thuộc nhóm 1 vẫn đang thực hiện đấu tranh pháp lý với Chủ đầu tư tại Trung tâm trọng tài Quốc tế (VIAC), khi có kết quả phán quyết của Trung tâm trọng tài và tòa án (nếu có) nhà thầu liên danh sẽ quyết toán thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	186.557.903	254.699.894
- Chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	186.557.903	254.699.894
Dài hạn	-	-
Tổng	186.557.903	254.699.894

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào	10.784.283.978	10.987.701.148	6.229.585.732	15.542.399.394
Thuế GTGT đầu ra	1.593.406.235	77.368.351	-	1.670.774.586
Thuế TNDN	-	38.972.573	-	38.972.573
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	10.029.731	-	10.029.731	-
Tổng	12.387.719.944	11.104.042.072	6.239.615.463	17.252.146.553

5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	7.481.623.299	417.267.272	9.539.612.830	1.550.011.073	18.988.514.474
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	7.481.623.299	417.267.272	9.539.612.830	1.550.011.073	18.988.514.474
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	7.090.931.297	417.267.272	8.391.995.863	1.490.938.709	17.391.133.141
Tăng trong năm	49.022.563	-	513.151.017	54.836.364	617.009.944
Trích khấu hao	49.022.563	-	513.151.017	54.836.364	617.009.944
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	7.139.953.860	417.267.272	8.905.146.880	1.545.775.073	18.008.143.085
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	390.692.002	-	1.147.616.967	59.072.364	1.597.381.333
Tại ngày 31/12	341.669.439	-	634.465.950	4.236.000	980.371.389

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020: 13.933.205.595 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 13.198.599.561 đồng).

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 để cầm cố đảm bảo các khoản vay là 634.465.944 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 1.143.132.612 đồng).

5.12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
<u>Nguyên giá</u>		
Tại ngày 01/01	4.416.750.000	4.416.750.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	4.416.750.000	4.416.750.000
<u>Hao mòn lũy kế</u>		
Tại ngày 01/01	4.000.483.969	4.000.483.969
Tăng trong năm	164.559.996	164.559.996
Trích khấu hao	164.559.996	164.559.996
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	4.165.043.965	4.165.043.965
<u>Giá trị còn lại</u>		
Tại ngày 01/01	416.266.031	416.266.031
Tại ngày 31/12	251.706.035	251.706.035

Nguyên giá TSCĐ vô hình hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 3.593.950.000 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 3.593.950.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5.13 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

MẪU B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ		31/12/2020		01/01/2020	
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con							
Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	1.240.850	55,33%	55,33%	12.408.500.000	(*)	12.408.500.000	(*)
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	306.000	51,00%	51,00%	3.060.000.000	(*)	3.060.000.000	(*)
Trung tâm Phát triển công nghệ CECO		100%	100%	1.600.000.000	(*)	1.600.000.000	(*)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết							
Công ty CP Ceco Hà Nội	306.000	36,4%	36,4%	3.060.000.000	(*)	3.060.000.000	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Chất Tây Ninh (hiện nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt)	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	(*)	1.638.000.000	(*)
Tổng				21.766.500.000		21.766.500.000	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do các Công ty này chưa niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	59.541.689.119	59.541.689.119	48.188.651.154	48.188.651.154
<i>Các bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	2.951.545.433	2.951.545.433	3.417.346.999	3.417.346.999
<i>Bên khác</i>				
K-UTEC AG Salt Technologies	10.116.180.360	10.116.180.360	10.116.180.360	10.116.180.360
Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC	19.842.382.739	19.842.382.739	13.949.683.249	13.949.683.249
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	-	-	2.772.000.000	2.772.000.000
Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn	1.712.023.165	1.712.023.165	2.333.765.930	2.333.765.930
Công ty CP DAP2 - Vinachem	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	659.203.405	659.203.405	2.034.284.071	2.034.284.071
Các nhà cung cấp khác	22.857.544.080	22.857.544.080	12.162.580.608	12.162.580.608
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	59.541.689.119	59.541.689.119	48.188.651.154	48.188.651.154

5.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	195.903.952.879	185.387.415.604
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	181.811.804.911	181.811.804.911
<i>Khách hàng khác</i>		
Tổng công ty Vận tải thủy CTCP	9.500.000.000	-
Các khách hàng khác	4.592.147.968	3.575.610.693
Dài hạn	-	-
Tổng	195.903.952.879	185.387.415.604

5.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	300.613.147	9.800.090.468	10.100.703.615	-
Thuế TNDN	131.760.027	17.629.284	149.389.311	-
Thuế thu nhập cá nhân	34.870.122	204.704.422	210.842.356	28.732.188
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	743.448.356	743.448.356	-
Các loại thuế khác	-	206.444.803	206.444.803	-
Tổng	467.243.296	10.972.317.333	11.410.828.441	28.732.188

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	1.139.246.152	23.076.223.986
Trích trước chi phí các công trình	893.737.619	22.950.627.116
- Dự án Đạm Cà Mau	-	22.749.678.285
- Các dự án khác	893.737.619	200.948.831
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay	245.508.533	125.596.870
Dài hạn	-	-
Tổng	1.139.246.152	23.076.223.986

5.18 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	24.763.824.597	1.507.882.995
Kinh phí công đoàn	120.772.002	245.446.552
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	474.809.520
Lãi vay phải trả ngân hàng	-	55.810.977
Tổng công ty Vận tải thủy - CTCP	24.160.000.000	-
Phải trả khác	483.052.595	731.815.946
Dài hạn	-	-
Tổng	24.763.824.597	1.507.882.995

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Mẫu B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2020				01/01/2020
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (1)	14.570.172.329	14.570.172.329	34.021.717.926	118.219.403.352	98.767.857.755
Tổng công ty Vận tải thủy - CTCP (2)	2.522.013.637	2.522.013.637	31.065.409.730	76.111.253.848	47.567.857.755
Công ty TNHH Liên hiệp XD Vạn Cường (2)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	32.700.000.000	42.700.000.000
Vay ngân hàng MBBank (3)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
	1.048.158.692	1.048.158.692	1.956.308.196	908.149.504	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng	14.570.172.329	14.570.172.329	34.021.717.926	118.219.403.352	98.767.857.755

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/6401629/HĐTD ngày 18/8/2020 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Ba Đình. Hạn mức tín dụng cho vay thường xuyên với số tiền tối đa là 85.000.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2) Các khoản vay vốn bổ sung vốn lưu động, không tính lãi.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 43662.20.057.1175444.TD ký ngày 07/9/2020. Tổng giá trị hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 VND. Hạn mức cho vay là: 15.000.000.000 VND. Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 15.000.000.000 VND. Hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán: 45.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày ký hợp đồng đến 20/08/2021. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động tư vấn thiết kế và thi công xây lắp của khách hàng năm 2020 - 2021. Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu Công trình xây dựng đất/tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2 (bao gồm toàn bộ giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ bất động sản này) tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội theo Giấy chứng nhận số BA 495655 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hà Nội cấp ngày 8/10/2010. MB bank nhận thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang từ các hợp đồng MB bank tài trợ theo đúng quy định của MBbank từng thời kỳ.

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận	
				31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%	17.874.920.000	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%	14.858.820.000	14.858.820.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%	80.000.000	80.000.000
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	2.381.721	23.817.210.000	39,85%	23.817.210.000	23.817.210.000
Các cổ đông khác	313.941	3.139.410.000	5,25%	3.139.410.000	3.139.410.000
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%	59.770.360.000	59.770.360.000

b. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.977.036	5.977.036
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.977.036	5.977.036
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	59.770.360.000	59.770.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.930.720.095	17.930.720.095
Tổng	17.930.720.095	17.930.720.095

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

e. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2019	59.770.360.000	17.930.720.095	5.812.954.456	83.514.034.551
Tăng trong năm	-	-	70.415.759	70.415.759
Lợi nhuận sau thuế	-	-	70.415.759	70.415.759
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	59.770.360.000	17.930.720.095	5.883.370.215	83.584.450.310
Tại ngày 01/01/2020	59.770.360.000	17.930.720.095	5.883.370.215	83.584.450.310
Tăng trong năm	-	-	58.403.050	58.403.050
Lợi nhuận sau thuế	-	-	58.403.050	58.403.050
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	59.770.360.000	17.930.720.095	5.941.773.265	83.642.853.360

Đơn vị tính: VND

5.21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
<i>Ngoại tệ</i>		
USD	2.183	1.147
LAK	-	100
EUR	20.356	2.472

5.22 DOANH THU

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	33.042.243.372	227.746.169.489
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế	20.683.257.547	35.544.002.575
Doanh thu thi công và cho thuê nhà	6.286.878.608	5.068.725.182
Tổng	60.012.379.527	268.358.897.246
Các khoản giảm trừ (<i>giảm giá hàng bán</i>)	-	-
Tổng	60.012.379.527	268.358.897.246

5.23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	37.538.713.866	228.792.553.961
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế	14.270.574.577	17.198.403.022
Giá vốn thi công và cho thuê nhà	2.623.882.143	2.499.787.550
Tổng	54.433.170.586	248.490.744.533

5.24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.046.370.789	2.105.438.751
Cổ tức được chia	367.200.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	104.005.179	70.377.648
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.729.795	-
Tổng	1.551.305.763	2.175.816.399

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.25 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	2.668.988.750	9.316.956.818
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.125.924	4.189.552
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.339.864	118.732.671
Tổng	2.687.454.538	9.439.879.041

5.26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.375.170.875	14.483.220.605
Chi phí nhân viên quản lý	804.844.633	6.955.886.297
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	30.993.041	129.781.648
Chi phí dự phòng	8.811.000	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	108.343.276	277.153.821
Thuế, phí, lệ phí	1.053.023.541	824.926.647
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	2.369.155.384	6.295.472.192
Tổng	4.375.170.875	14.483.220.605

5.27 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản cố định, vật tư	-	1.943.181.818
Thu hợp tác sản xuất của CN Hồ Chí Minh	252.000.000	504.000.000
Thu từ cho thuê văn phòng	229.199.854	-
Thu nhập khác	98.431.190	199.188.219
Tổng	579.631.044	2.646.370.037
Chi phí khác		
Tiền thuê nhà CN Hồ Chí Minh	241.910.909	487.303.668
Chi phí khác	16.205.420	90.812.332
Xử lý công nợ	69.152.000	-
Chi phí phạt và lãi chậm nộp	268.821.529	-
Tổng	596.089.858	578.116.000
Lãi (lỗ) hoạt động khác	(16.458.814)	2.068.254.037

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51.430.477	189.123.503
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	545.698.161	404.415.218
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	527.232.373	-
- Lỗi CLTG đánh giá lại nợ phải thu	18.465.788	-
Điều chỉnh giảm do thu nhập được miễn thuế	471.205.179	-
- Cổ tức ghi nhận	367.200.000	-
- Lỗi CLTG đánh giá lại nợ phải thu	104.005.179	-
Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	125.923.459	593.538.721
Thuế suất áp dụng hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành (a)	25.184.692	118.707.744
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 114/2020/ND-CP ngày 25/9/2020 (b)	7.555.408	-
Thuế TNDN phải nộp trong năm (a-b)	17.629.284	118.707.744
Thuế TNDN phải nộp bổ sung do Công ty tự loại chi phí không hợp lý năm 2019 trước khi cơ quan thuế kiểm tra	32.000.000	-
Thuế TNDN được điều chỉnh giảm theo kết luận Thanh tra thuế	(56.601.857)	-
Thuế TNDN năm hiện hành	(6.972.573)	118.707.744

5.29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.210.331.782	191.301.871.565
Chi phí nhân công	16.931.209.885	29.248.113.483
Chi phí khấu hao tài sản cố định	781.569.940	1.202.131.589
Chi phí dự phòng	8.811.000	-
Chi phí phải trả đã trích	1.139.246.152	22.749.678.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.429.458.412	31.250.257.300
Tổng	91.500.627.171	275.752.052.222

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Họ tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị			
Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Chủ tịch đã miễn nhiệm	-	-
Ông Lưu Ngọc Vĩnh	Chủ tịch đương nhiệm	-	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Vũ Minh Ngọc	Thành viên	6.000.000	-
Tổng		6.000.000	-
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Trương Thanh Vân		1.000.000	-
Bà Trương Thị Minh Thu	Trưởng ban	2.000.000	-
Bà Trần Thị Minh Trang	Thành viên	-	-
Tổng		3.000.000	-
Tiền lương của TGD và người quản lý khác			
Ông Nguyễn Công Thắng	Tổng Giám đốc	156.032.512	249.645.011
Ông Văn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	188.515.072	233.455.207
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Lưu Ngọc Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc	168.747.692	50.711.595
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	-	39.539.996
Ông Đinh Đức Bộ	Kế toán trưởng đã miễn nhiệm	43.501.536	-
Bà Nguyễn Tuyết Chinh	Kế toán trưởng đương nhiệm	93.798.870	-
Bà Trương Thị Minh Thu	Người được ủy quyền công bố thông tin	186.747.692	-
Tổng		837.343.374	573.351.809

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Số dư với các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Công ty CP DAP số 2	Phải thu khách hàng	37.674.684.981	37.406.795.821
	Phải trả người bán	1.402.809.937	1.402.809.937
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phải thu khách hàng	3.890.562.302	3.890.562.302
	Phải thu khách hàng	-	91.529.400
Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Người mua	6.000	-
	trả tiền trước	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Phải thu khách hàng	120.000.000	120.000.000
	Trả trước cho người bán	44.458.201	54.106.724
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Phải trả khác	21.261.517	-
	Người mua	181.811.804.911	181.811.804.911
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	trả tiền trước	-	-
	Phải thu về cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Phải thu khác	1.104.806.668	924.140.001
	Trả trước cho người bán	1.982.699.532	1.880.533.402
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Phải trả người bán	2.951.545.433	3.417.346.999
	Phải thu khách hàng	126.000.000	-
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	Phải thu khác	4.253.444	10.748.939
	Phải thu khách hàng	90.000.000	45.000.000
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	Phải thu khách hàng	503.163.000	-
	Phải trả người bán	177.942.600	-

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Thuê văn phòng	218.181.818	218.181.818
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cung cấp dịch vụ	243.535.600	19.690.000
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cung cấp dịch vụ	259.625.045	1.354.428.449
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	Cung cấp dịch vụ	3.260.530.909	-
Công ty CP CECO Hà Nội	Thuê văn phòng	114.545.455	-
Trung tâm phát triển công nghệ CECO	Thuê văn phòng	81.818.182	81.818.182
<u>Giao dịch mua hàng</u>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Sử dụng dịch vụ thuê văn phòng CN HCM	-	487.303.668
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sử dụng dịch vụ thi công	485.634.940	4.166.687.323
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Sử dụng dịch vụ thi công, sửa chữa	382.828.220	-
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Mua hàng hóa	-	3.702.910.953
Công ty TNHH Liên hợp Xây dựng Vạn Cường	Sử dụng dịch vụ	161.766.000	-
<u>Giao dịch khác</u>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Cổ tức được chia	367.200.000	-
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Lãi cho vay	180.666.667	242.000.000
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Thu khác (điện nước)	25.671.162	14.317.217

6.2 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021
Chủ tịch HĐQT





Nguyễn Tuyết Chinh

Nguyễn Tuyết Chinh

Lưu Ngọc Vĩnh